

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2025/DS-PT

Ngày: 28-3-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Hồng Mai;

2. Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 25 và 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2024/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đoàn T, sinh năm 1974;

Địa chỉ cư trú: Số A, đường T, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Đoàn T: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1998;

Địa chỉ cư trú: Tổ A, Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Theo Văn bản uỷ quyền ngày 05/12/2024. Có mặt.

Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Số B, đường T, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bà Trần Thị Đ, sinh ngày 10/8/1965;

Địa chỉ cư trú: Số A, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Đ: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Số A, T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Văn bản uỷ quyền ngày 04/11/2024. Có mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Đoan T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Vào sáng ngày 27/02/2018, bà Trần Thị Đ gọi điện cho bà Trần Thị Đoan T hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, bà Đ không cam kết chính xác thời gian trả tiền, chỉ nói bao giờ lấy lô hàng hạt điều thì hoàn trả, bà T đồng ý. Sau khi điện thoại hỏi vay tiền xong, bà Đ cử chị Nguyễn Thị Thùy L là nhân viên của bà Đ qua nhà bà T lấy tiền vay. Chị L nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng, trừ số tiền thuê đất và nhà xưởng 44.000.000 đồng do bà Đ còn nợ mẹ bà T, chị L thực nhận về 256.000.000 đồng, ghi nhận vào sổ bà T, đồng thời ký tên ghi họ tên của chị L. Chiều cùng ngày 27/02/2018, bà Đ lại tiếp tục gọi điện thoại hỏi vay bà T số tiền 300.000.000 đồng và bà T đồng ý, chị L tiếp tục được bà Đ đến nhà bà T nhận 300.000.000 đồng; chị L đã nhận số tiền 300.000.000 đồng và ghi tiếp vào sổ bà T, phía dưới số tiền ghi nhận lúc sáng, ký tên và ghi họ tên của chị L. Tổng cộng trong ngày 27/02/2018, bà Đ vay của bà T 02 lần với số tiền 600.000.000 đồng.

Việc chị L và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ cho rằng số tiền 300.000.000 đồng chị L nhận trong ngày 27/02/2018 là tiền mua bán hạt điều giữa bà T và Công ty của bà Đ, không phải là tiền vay là không đúng. Từ khi vay tiền đến nay bà Đ không trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Do số tiền này bà Đ vay còn chị L ký nhận thay, nên bà T đề nghị chị L và bà Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc 600.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị là nhân viên của Công ty TNHH H, do bà Đ làm Giám đốc; chị làm việc cho Công ty của bà Đ từ năm 2016 đến 27/7/2018 nghỉ việc. Công việc của chị làm kế toán, quản lý nhập hàng, xuất hàng, đi gom tiền hàng, trả tiền hàng, quyết toán công nợ, giao hóa đơn, ... và một số công việc khác do bà Đ phân công.

Vào sáng ngày 27/02/2018, bà Đ phân công chị đến nhà bà T lấy tiền mua bán hạt điều, do Công ty TNHH H điều Lê T2 bán hạt điều cho bà T với số tiền 300.000.000 đồng. Chị chỉ nhận của bà T số tiền 256.000.000 đồng, do bà T đã trừ 44.000.000 đồng là tiền lãi trong khoản vay khác giữa bà Đ với mẹ bà T. Sau khi nhận tiền xong, chị đem về giao lại cho bà Đ. Khi nhận tiền của bà T, chị có ghi và ký nhận trong sổ của bà T với nội dung “27.02.18 có nhận thay cô Đ 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng). Thanh toán lại cho cô T 44.000.000 đ. Còn lại 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu đồng)”, nhưng do bà T nói chị ghi nội dung như vậy không đủ chắc chắn đã nhận 300.000.000 đồng, nên bà T yêu cầu chị ghi tiếp bên dưới “27.02.18, có nhận thay cô Đ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng”. Chị khẳng định chỉ nhận thay bà Đ 01 lần số tiền 300.000.000 đồng, không phải 600.000.000 đồng như lời trình bày của bà T. Chị chỉ là nhân viên, thực hiện công việc được bà Đ phân công, số tiền chị nhận của bà T, chị đã giao lại đủ cho bà Đ; do đó, chị không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với việc mua bán hạt điều ngày 27/02/2018 giữa Công ty TNHH H điều Lê T2 với bà T, chị có ghi chép trong quyển sổ tay, chị đã bàn giao lại cho người

kế toán sau của bà Đ; nội dung ghi số lượng hàng, số tiền hàng, có chữ ký của người lấy hàng bên phía bà T, không có chữ ký của bà T và bà Đ. Hiện nay, người kế toán này đã chết nên chị không thể cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc mua bán hạt điều vào ngày 27/02/2018 giữa bà T và Công ty của bà Đ.

Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị Đ là ông Phạm Đình B trình bày:

Bà Trần Thị Đoàn T khởi kiện yêu cầu bà Đ cùng có nghĩa vụ với chị Nguyễn Thị Thùy L trả số tiền vay 600.000.000 đồng, bà Đ không đồng ý. Bởi vì vào ngày 27/02/2018, bà Đ không có vay của bà T khoản tiền nào cả, nếu có vay thì giữa bà Đ và bà T đã ký kết hợp đồng vay tiền và có thể chấp tài sản hoặc bà T sẽ cho bà Đ vay bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì bà T không bao giờ cho bà Đ vay mà không dùng tài sản để thế chấp. Bên cạnh đó, chứng cứ bà T cung cấp trong vụ án này đã được lấy làm căn cứ để ông Vũ Thanh P (chồng bà T) khởi kiện bà Lê Thị K (mẹ ruột bà Trần Thị Đ) số tiền 700.000.000 đồng trong vụ án khác, đã được các cấp Tòa án tỉnh Tây Ninh giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Chị L là nhân viên của bà Đ, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của bà Đ. Vào ngày 27/02/2018, Công ty của bà Đ có bán cho bà T lô hàng hạt điều trị giá 300.000.000 đồng, sau khi giao lô hàng xong, bà Đ phân công chị L đến nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà T; chị L đi nhận tiền, bà T có trừ lại số tiền 44.000.000 đồng tiền lãi của hợp đồng vay 5.000.000.000 đồng mà bà V (mẹ bà T) vay của bà Đ trước đó, còn lại 256.000.000 đồng chị L nhận về giao lại cho bà Đ; ngoài ra, cùng ngày này bà Đ không nhận thêm khoản tiền nào khác từ chị L. Việc chị L ký tên nhận tiền 02 lần về sau bà Đ mới được biết. Việc giao dịch mua bán hạt điều ngày 27/02/2018 giữa hai bên đã thực hiện xong, bà Đ không còn giữ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng mua bán hạt điều này để cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2024/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đoàn T đối với bà Trần Thị Đ và chị Nguyễn Thị Thùy L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đoàn T số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Đoàn T về việc buộc chị Nguyễn Thị Thùy L cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, ... và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2025, bị đơn Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Đoàn T.

Tại phiên toà:

Người đại diện cho bà Trần Thị Đ là ông Phạm Đình B trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị Đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Đoan T.

Người đại diện cho nguyên đơn Trần Thị Đoan T là chị Nguyễn Thị T1 trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đoan T; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Đoan T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Đào L1 ngày 06/01/2025, nộp Toà án cấp sơ thẩm và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cùng ngày còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị Đ, thấy rằng:

[2.1] Bà Trần Thị Đoan T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ và chị Nguyễn Thị Thùy L cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc 600.000.000 đồng vay ngày 27/02/2018, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà Đ và chị L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.2] Bà Đ cho rằng trong ngày 27/02/2018, không có vay của bà T bất kỳ khoản tiền nào; số tiền 300.000.000 đồng bà phân công chị L đến nhà bà T nhận thay cho bà là số tiền Công ty TNHH H của bà bán cho bà T 01 lô hàng hạt điều trị giá 300.000.000 đồng; chị L đã nhận và đem về cho bà 256.000.000 đồng, do bà T đã khấu trừ số tiền 44.000.000 đồng là khoản tiền lãi của hợp đồng vay 5.000.000.000 đồng mà bà V (mẹ bà T) cho bà Đ vay trước đó. Bà T không đồng ý có việc mua bán lô hàng hạt điều như bà Đ trình bày, bà Đ cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc mua bán hạt điều giữa Công ty TNHH H điều Lê T2 với bà Trần Thị Đoan T vào ngày 27/02/2018.

[2.3] Chị L là nhân viên của Công ty TNHH H, làm nhiệm vụ kế toán, ghi chép việc nhập hàng, xuất hàng, đi gom tiền hàng, trả tiền hàng, quyết toán công nợ, giao hóa đơn, và một số công việc khác do bà Đ (Giám đốc Công ty) phân công. Chị L thừa nhận vào ngày 27/02/2018, theo chỉ đạo của bà Đ, chị có đến nhà

bà T nhận thay bà Đ số tiền 300.000.000 đồng và có ghi nội dung và ký tên 02 lần trên một mặt giấy cùng ngày 27/02/2018 trong sổ của bà T; chị L khẳng định chỉ nhận tiền một lần vào sáng ngày 27/02/2018 với số tiền 300.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ nhận 256.000.000 đồng và đem về giao đủ cho bà Đ, không nhận thêm khoản tiền nào khác. Sở dĩ chị ghi 02 lần vào sổ bà T là do bà T yêu cầu. Bà T không đồng ý với lời trình bày này của chị L, chị L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị là có căn cứ.

[2.4] Tại biên bản đối chất ngày 26/8/2020 (*bút lục 90*) là biên bản đối chất trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý số 63/2020/TLST-DS ngày 13/3/2020 giữa nguyên đơn ông Vũ Thanh P (chồng bà T) và bị đơn Lê Thị K (mẹ ruột bà Đ), chị L trình bày: “*tôi có ký nhận thay bà Đ tổng cộng 02 lần với số tiền 600 triệu đồng, nhưng thực tế là tiền gì thì tôi không biết và tôi nhận thực tế 300 triệu đồng hay 600 triệu đồng thì tôi không nhớ, do đã lâu và bà Đ chỉ yêu cầu tôi đến gặp chị T để lấy tiền, không nói rõ lấy tiền gì*”.

[2.5] Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2024 (*bút lục số 33*) chị L trình bày: “*sáng ngày 27/02/2018, tôi đến nhà bà T lấy tiền mua bán hạt điều số tiền 300.000.000 đồng..... chiều ngày 27/02/2018 tôi được giao nhiệm vụ đến nhà bà T lấy số tiền 300.000.000 đồng, vì đây là tiền của khoản thỏa thuận ngày 24/02/2018, tôi nhận đủ tiền mặt 300.000.000 đồng, ghi nội dung nhận và ký tên vào sổ của bà T*”.

[2.6] Như vậy, các lời trình bày của chị L tại Biên bản đối chất ngày 26/8/2020 (*bút lục số 90*) và lời trình bày của chị L tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2024 (*bút lục số 33*) đều thể hiện chị L đến nhà bà T nhận tiền thay bà Đ 02 lần, còn số tiền 300.000.000 đồng hay 600.000.000 đồng, chị L chưa khẳng định được chính xác. Tuy nhiên, tại sổ ghi chép của bà T (*bút lục số 119*), chị L ghi trong cùng 01 mặt giấy, thể hiện 02 đoạn chị L viết và ký tên với nội dung:

Đoạn 1: *Ngày 27/02/2018: tôi có nhận thay cô Đ 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng). Thanh toán lại cho cô T 44.000.000 đồng. Còn lại 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu đồng)*”. Phía dưới ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Thùy L.

Đoạn 2: *Chiều ngày 27/02/2018: có nhận thay cô Đ 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng)*”. Phía dưới ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Thùy L.

Do đó, có căn cứ xác định trong ngày 27/02/2018, theo sự chỉ đạo của bà Đ, chị L đến nhận tiền từ bà T thay bà Đ 02 lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng.

[2.7] Ngoài ra, ông B là người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ trình bày, biên nhận tổng số tiền 600.000.000 đồng bà T yêu cầu giải quyết trong vụ án này đã được dùng làm căn cứ chứng minh trong khoản vay khác, được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, lời trình bày này của ông B không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự đã được giải quyết giữa nguyên đơn Vũ Thanh P (chồng bà T) và bị đơn Lê Thị K (mẹ ruột bà Đ), Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bằng Bản án số 51/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 và Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử bằng Bản án số 40/2021/DS-ST ngày 04/3/2021, thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án tại 02 cấp Tòa án, bà Đ trình bày số tiền 700.000.000 đồng mẹ ruột bà là bà Lê Thị K vay của ông Vũ Thanh P vào ngày

06/6/2018, bà đã trả xong cho bà L trong số tiền 3.200.000.000 đồng mà bà nhờ chị L trực tiếp trả cho bà T (gồm 2.500.000.000 đồng bà trực tiếp vay của bà T vào ngày 28/02/2018 và số tiền 700.000.000 đồng này). Bà T thừa nhận bà có nhận số tiền 3.200.000.000 đồng do chị L giao, nhưng số tiền này là tiền bà trực tiếp cho bà Đ vay 2.500.000.000 đồng vào ngày 28/02/2018 và 600.000.000 đồng bà Đ vay 02 lần vào ngày 27/02/2018 (do chị L nhận thay có ghi vào sổ của bà) và 100.000.000 đồng là số tiền bà T và bà Đào C1 trừ nợ với nhau. Còn số tiền 700.000.000 đồng bà K trực tiếp vay của ông P (chồng bà) không liên quan gì đến số tiền 3.200.000.000 đồng mà bà đã nhận của bà Đ (do chị L giao). Bà Đ cũng không có ý kiến hay phản bác đối với lời trình bày của bà T về số tiền 700.000.000 đồng này. Tại Bản án số 51/2020/DS-ST ngày 30/9/2020, của Tòa án cấp sơ thẩm và Bản án số 40/2021/DS-ST ngày 04/3/2021 của Tòa án cấp phúc thẩm đều xác định số tiền 700.000.000 đồng bà Lê Thị K vay của ông Vũ Thanh P vào ngày 06/6/2018 đã được bà Đ trả thay bà K xong trong số tiền 3.200.000.000 đồng mà bà T đã nhận của bà Đ, để từ đó quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bà K về số tiền 700.000.000 đồng này. Riêng lời trình bày của bà T về số tiền 600.000.000 đồng mà chị L nhận thay bà Đ từ bà T vào ngày 27/02/2018, chị L có ghi giấy nhận, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa xem xét trong vụ án này.

[2.8] Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 600.000.000 đồng chị L nhận của bà T thay bà Đ vào ngày 27/02/2018 đến nay bà Đ chưa trả cho bà T. Chị L là nhân viên Công ty TNHH H của bà Đ, đã được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Số tiền 600.000.000 đồng này chị L nhận từ bà T theo sự chỉ đạo của bà Đ, nên bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà T là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ trình bày, trong số tiền 600.000.000 đồng này, bà Đ chỉ nhận từ chị L số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng bà Đ chưa nhận từ chị L, nên bà Đ không có nghĩa vụ đối với khoản tiền này, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Đ và người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ cũng không có yêu cầu giải quyết đối với chị L, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu này của bà Đ đối với chị L là phù hợp, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[2.9] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 600.000.000 đồng, không buộc chị L có nghĩa vụ trả số tiền 600.000.000 đồng cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.10] Bà Đ kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ; không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2024/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đoan T đối với bà Trần Thị Đ và chị Nguyễn Thị Thùy L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đoan T số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đoan T về việc buộc chị Nguyễn Thị Thùy L cùng có nghĩa vụ với bà Trần Thị Đ trả số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) nêu trên.

3. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Đ chưa thi hành xong hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Đ còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Đ phải chịu 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.
- Bà Trần Thị Đoan T không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, tại Biên lai thu số 0009112 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tại Biên lai thu số 0010318 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Đ đã nộp xong.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Ngẫu